

Hải Phòng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ (SỐ TM826.1)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ Sản có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu dự kiến: Mua sắm Hoá chất xét nghiệm của Bệnh viện Phụ Sản năm 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận nghiệp vụ Dược- Khoa Dược- Bệnh viện Phụ Sản (Số 19 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng)
Địa chỉ email: tmsduoc.bvps24@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 26 tháng 08 năm 2024 đến trước 17h ngày 05 tháng 09 năm 2024
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: (Phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại bảng sau:

Yêu cầu về địa điểm cung cấp	- Khoa Dược – Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. - Địa chỉ: Số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Yêu cầu vận chuyển	Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng

- Thời gian giao hàng dự kiến: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Yêu cầu về báo giá: Nhà thầu gửi Yêu cầu báo giá (01 bản) đầy đủ các thông tin hàng hóa.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không. ✓

Nơi nhận:

- Nơi kính gửi;
- Lưu: TMSKD.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

PGS.TS.BS Vũ Văn Lâm

PHỤ LỤC

STT	Tên hàng hoá hoặc tương đương	Số lượng	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật
1	A1C-3	4	Hộp	R1 Thuốc thử kháng thể Đệm MES: 0.025 mol/L; đệm TRIS: 0.015 mol/L, pH 6.2; kháng thể HbA1c (huyết thanh cừu) ≥ 0.5 mg/mL; chất tẩy; chất ổn định; chất bảo quản SR Thuốc thử polyhaptten Đệm MES: 0.025 mol/L; đệm TRIS: 0.015 mol/L, pH 6.2; Polyhaptten HbA1c: $\geq 8 \mu\text{g/mL}$; chất tẩy; chất ổn định; chất bảo quản
2	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	8	Hộp	Thành phần: R1 Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L-aspartate: 792 mmol/L; MDH (tim heo): $\geq 24 \mu\text{kat/L}$; LDH (vi sinh): $\geq 48 \mu\text{kat/L}$; albumin (bò): 0.25 %; chất bảo quản PYP Pyridoxal phosphate (DL): 730 $\mu\text{mol/L}$; chất bảo quản SR NADH (nấm men): ≥ 1.7 mmol/L; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản
3	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	5	Hộp	Thành phần: R1 Acid phosphoric: 85 mmol/L; HEDTA: 4.0 mmol/L; NaCl: 50 mmol/L; chất tẩy; pH 1.9 SR Muối 3,5-Dichlorophenyl diazonium: 1.5 mmol/L; pH 1.3
4	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)	1	Hộp	Thành phần: R1 CAPSO: a) 557 mmol/L; NM-BAPTA: 2 mmol/L, pH 10.0; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; chất bảo quản SR EDTA: 7.5 mmol/L, pH 7.3; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; chất bảo quản a) 3-[cyclohexylamino]-2-hydroxy-1-propanesulfonic acid

5	Dịch rửa kim hút thuốc thử	4	Hộp	Thành phần: HCl 0.3 mol/L
6	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	3	Hộp	Thành phần: R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 40 mmol/L; natri cholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; LPL (Pseudomonas spec.): ≥ 83 μ kat/L; GK (Bacillus stearothermophilus): ≥ 3 μ kat/L; GPO (E. coli): ≥ 41 μ kat/L; POD (củ cải): ≥ 1.6 μ kat/L; chất bảo quản; chất ổn định
7	Dung dịch rửa	4	Hộp	Thành phần: NaOH 1 mol/L